

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HSST
Ngày: 27/11/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Kim Kiều;

Bà Cù Thị Như Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

H, sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Nông; trú tại Thôn T, xã Đ, thị xã X, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp nhất định; con ông D (đã chết); con bà N, sinh năm 1964; Tiền án : Bản án số 51/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành án xong ngày 14/12/2016; bị bắt tạm giữ ngày 15/8/2017 - Có mặt.

- Bị hại: Chị C, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ 4, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị C (SN 1996) và chị Đ (SN 1995) là bạn học chung trường Trung cấp nghề Đắk Nông và cùng thuê trọ tại tổ 4, phường N, thị xã X để ở. Khoảng 07h ngày 11/6/2017, chị C khóa cửa phòng trọ để đi có việc; trước khi đi, chị để chìa khóa phòng trong đôi giày để phía bên phải cửa ra vào phòng.

Khoảng 08h cùng ngày, H là bạn trai chị Đ, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave RS, BKS 48F6-7112 (*Xe của bà N – Mẹ đẻ H*) chở chị Đ đến phòng trọ của chị C để lấy đồ. Đến nơi, chị Đ vào phòng lấy đồ còn H điều khiển xe quay về nhà.

Khoảng 12h cùng ngày, H điều khiển xe quay lại tìm chị Đ nhưng không gặp (*Lúc này, chị Đ đã bắt xe buýt đến nhà bác ở huyện K, tỉnh Đắk Nông*). Do trước đây đã nhiều lần đến phòng trọ chơi cùng chị Đ, nên H biết rõ chìa khóa phòng chị C hay giấu trong đôi giày để trước cửa phòng, nên H lấy chìa khóa mở cửa vào trong phòng và nằm trên giường chơi. Lúc này, thấy chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen bạc của chị C đang để ở đầu giường ngủ, H nảy sinh ý định trộm cắp, nên H lấy máy tính mang ra khỏi phòng trọ, khóa cửa, để chìa khóa vào vị trí cũ rồi điều khiển xe mô tô mang chiếc máy tính về nhà cất giấu. Khoảng 15h00' cùng ngày, H mang chiếc máy tính trên đến tiệm cầm đồ “T” tại tổ 2, phường N, thị xã X, do anh T (SN 1966) làm chủ, cầm được 1.200.000 đồng. Số tiền này, H đã dùng vào việc chơi Game và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 17h cùng ngày, chị C về phòng thì phát hiện chiếc máy tính đã bị mất trộm, nên làm đơn trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, sau đó H bị bắt giữ.

Vật chứng của vụ án: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen bạc, loại Latitude/E6410, cấu hình Intel Core i5 (*Tình trạng máy cũ, đã qua sử dụng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 03/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận: Chiếc máy tính xách tay trên trị giá 2.040.000đ.

Ngày 05/9/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra quyết định xử lý vật chứng số 26 trả lại tài sản trên cho chị C là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số 56/CTr-VKS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa kết luận bị cáo H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H bồi thường cho anh T giá trị chiếc máy tính mà anh T đã cầm cố cho bị cáo số tiền 1.200.000 đồng.

Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ngày 05/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa trả lại 01 chiếc máy tính xách tay (*có đặc điểm như trong biên bản thu giữ*) cho cho chị C là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 11/6/2017, tại tổ 4, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông, bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen bạc, loại Latitude/E6410 của chị C; kết quả định giá tài sản xác định máy tính xách tay trị giá 2.040.000đ (*hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự:

Tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. ...

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích muốn có tiền tiêu xài và ý thức xem nhẹ pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 51/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù, bị cáo đã chấp hành án xong nhưng chưa xóa án tích, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thì mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa đối chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị mất đã trả lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Qua phần tranh luận, xét quan điểm về đường lối xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với anh T đã cầm cố chiếc máy tính xách tay cho H, do anh T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

Đối với chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave RS, BKS 48F6-7112 là xe của bà N, bà N không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý.

[2] Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự, Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh T số tiền cầm cố cho bị cáo H là 1.200.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Căn cứ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận ngày 05/9/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra quyết định xử lý vật chứng số 26 trả lại tài sản trên cho chị C.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo H 07 (*bảy*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 15/8/2017.

2. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo H bồi thường cho anh T số tiền 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Căn cứ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận ngày 05/9/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra quyết định xử lý vật chứng số 26 trả lại tài sản trên cho chị C.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, buộc bị cáo H phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKS tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX.Gia Nghĩa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV CATX. Gia Nghĩa;
- Công an TX.Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TX.Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NLLQ;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên